

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 125/2018/DS-PT
Ngày 04 - 9 - 2018
V/v tranh chấp chia thừa kế

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà : Ông Trần Văn Lực

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Giới
Ông Huỳnh Văn Hoàng Vân

- Thư ký phiên toà: Bà Huỳnh Bích Nhân - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên toà:
Bà Lê Thị Thanh Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Trà Vinh mở phiên toà xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 26/2018/TLPT- DS, ngày 05/3/2018 về việc tranh chấp chia thừa kế.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 55/2017/DS-ST ngày 31/10/2017 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 209/2018/QĐ-PT ngày 07 tháng 5 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1967 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp H, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:

Luật sư Nguyễn Hoàng O - Văn phòng Luật sư S thuộc Đ Luật sư tỉnh Trà Vinh (có mặt).

- Bị đơn:

1. Bà Nguyễn Thị Thiên H, sinh năm 1964 (vắng mặt);

2. Ông Nguyễn Phước L, sinh năm 1963 (có mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp H, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:

Luật sư Đồng Văn H - Văn phòng Luật sư T thuộc Đ Luật sư tỉnh Trà Vinh (có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Thiên H: Ông Nguyễn Phước L, sinh năm 1963; địa chỉ ấp H, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh (theo văn bản ủy quyền ngày 20/4/2016, có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ủy ban nhân dân huyện C;

Người đại diện theo pháp luật của Ủy ban: Ông Nguyễn Văn D, chức vụ: Chủ tịch ủy ban nhân dân huyện C (vắng mặt);

2. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1958 (vắng mặt);

3. Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1960 (vắng mặt);

4. Ông Nguyễn Văn Thụy V, sinh năm 1962 (vắng mặt);

5. Ông Nguyễn Tấn H, sinh năm 1970 (vắng mặt);

6. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1972 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ ấp H, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn C, ông Nguyễn Văn Thụy V, ông Nguyễn Tấn H, bà Nguyễn Thị M: Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1967; địa chỉ ấp H, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh (theo văn bản ủy quyền ngày 21/5/2018, có mặt).

7. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1964 (vắng mặt);

8. Bà Lê Thị Đ, sinh năm 1964 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp Đ, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- *Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị Đ là nguyên đơn và bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Tấn H, bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn C là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

** Trong đơn khởi kiện ngày 11 tháng 12 năm 2015, đơn khởi kiện bổ sung ngày 08 tháng 4 năm 2016, đơn khởi kiện bổ sung ngày 11 tháng 7 năm 2016 và bổ sung nội dung khởi kiện ngày 30 tháng 9 năm 2016, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Đ trình bày:*

Cha mẹ bà là cụ Nguyễn Văn S (chết năm 2014) và cụ Nguyễn Thị T (chết năm 2015) có 07 người gồm: Bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn C, ông Nguyễn Văn Thụy V, bà Nguyễn Thị Thiên H, bà Nguyễn Thị Đ là bà, ông Nguyễn Tấn H và bà Nguyễn Thị M. Khi cha mẹ bà còn sống đã phân chia đất cho các anh em được hưởng. Riêng 02 thửa đất là thửa 143, diện tích diện tích 327,7m² và thửa 142, diện tích 166,8m², cùng tờ bản đồ số 24, tọa lạc tại ấp H, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh do mẹ bà mua của ông Nguyễn Văn T vào ngày 29/3/2009 nhưng chưa làm thủ tục sang tên. Nay cha mẹ bà đã chết không có di chúc nên diện tích đất này là di sản thừa kế. Do đất hiện nay bà Nguyễn Thị Thiên H cùng chồng bà H là ông Nguyễn Phước L đang quản lý và tự ý làm thủ tục kê khai đứng tên quyền sử dụng đất.

Nay bà yêu cầu ông Nguyễn Phước L và bà Nguyễn Thị Thiên H chia di sản thừa kế của cụ S và cụ T chết để lại gồm: Thửa 143, diện tích 327,7m² và thửa 142, diện tích 166,8m², cùng tờ bản đồ số 24, tọa lạc tại ấp H, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh cho bà được hưởng một suất thừa kế diện tích 63,33m². Ngoài ra, bà còn

yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ ông T, bà Đ sang bà H, ông L và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà H, ông L đứng tên 02 thửa đất nêu trên.

** Bị đơn bà Nguyễn Thị Thiên H và ông Nguyễn Phước L trình bày:*

Vào năm 2014 cụ Nguyễn Thị T là mẹ ruột bà H kêu vợ chồng ông bà về cất nhà ở trên diện tích đất đang tranh chấp. Nguồn gốc đất là của cụ T khi còn sống đã nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn T, đất có chiều ngang cấp lộ khoảng 26m, lúc đó cụ T cho 05m ngang để vợ chồng ông bà làm nhà như hiện nay, 02m ngang cho anh thứ ba là ông Nguyễn Văn C, còn lại 09m ngang ông bà mua lại của cụ T bằng 20.000.000 đồng.

Do trước đây khi mua bán đất giữa ông T với cụ T chỉ làm giấy tay, nên ông L và cụ T có đến hỏi ông Nguyễn Thành A là cán bộ địa chính xã P về thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất và được ông A hướng dẫn do hợp đồng giữa cụ T với ông T chỉ là giấy tay nên hủy bỏ làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất trực tiếp từ vợ chồng ông T sang cho vợ chồng ông bà.

Số tiền 20.000.000 đồng mua đất của cụ T, ông bà thỏa thuận đến tháng 7/2015 sẽ trả cho cụ T, nhưng ngày 08/4/2015 cụ T mất nên ông bà chưa trả số tiền này. Ngoài ra, ông bà cũng có mua một phần đất hơn 100m² của vợ chồng ông T1 kế bên đất tranh chấp với giá 19.000.000 đồng.

Nay ông bà không đồng ý chia thừa kế theo yêu cầu của bà Đ, bà L, bà M, ông H và ông C. Vì phần đất này là của ông bà được cụ T cho một phần và một phần mua của cụ T.

** Trong đơn yêu cầu độc lập ngày 26 tháng 02 năm 2016, đơn yêu cầu bổ sung ngày 08 tháng 4 năm 2016, bổ sung ngày 11 tháng 7 năm 2016 của người có quyền lợi và nghĩa vụ bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Tấn H, ông Nguyễn Văn C yêu cầu và trình bày:*

Các ông bà thống nhất với lời trình bày của bà Nguyễn Thị Đ, yêu cầu bà Nguyễn Thị Thiên H và ông Nguyễn Phước L phải chia thừa kế di sản của cha mẹ để lại gồm 02 thửa đất 142 và 143 nêu trên cho các ông bà mỗi người được hưởng một suất bằng 63,33m² đất.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T trình bày:*

Việc tranh chấp giữa bà Đ với bà H, ông L do không có liên quan đến quyền lợi của ông, nên ông không có yêu cầu gì trong vụ án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 55/2017/DS-ST ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành đã xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Đ.
2. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Tấn H và ông Nguyễn Văn C.
3. Không chấp nhận hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất 02 thửa đất là thửa 143 và thửa 142, cùng tờ bản đồ số 24, cùng tọa lạc tại ấp H, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh; không chấp nhận yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU142694 đối với thửa số 143, diện tích 327,7m² và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA430122 đối với thửa đất số 142 diện tích 166,8m², cùng

tờ bản đồ số 24 và cùng tọa lạc tại ấp H, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh; và không chấp nhận yêu cầu chia tài sản thừa kế trong 02 thửa đất là một phần 213,3m² trong diện tích 327,7m² thuộc thửa 143 và diện tích 166,8m² thuộc thửa 142, cùng tờ bản đồ số 24, cùng tọa lạc tại ấp H, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên nghĩa vụ chịu án phí, chi phí tố tụng, quyền kháng cáo và quyền thỏa thuận, tự nguyện, yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Ngày 09/11/2017 bà Đ, bà L, bà M, ông H, ông C kháng cáo yêu cầu sửa án sơ thẩm, chấp nhận cho ông, bà mỗi người được hưởng một suất thừa kế diện tích đất 63,33m², thuộc một phần thửa 143, diện tích 327,7m² và thửa 142, diện tích 166,8m², cùng tờ bản đồ số 24, tọa lạc tại ấp H, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Ngoài ra, người kháng cáo còn yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Đ với bà Nguyễn Thị Thiên H, ông Nguyễn Phước L và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 142 và thửa 143 nêu trên.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người kháng cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

** Ý kiến của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ các tình tiết của vụ án mà chỉ căn cứ vào lời khai của cán bộ địa chính xã bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không đủ cơ sở vững chắc. Đất tranh chấp có nguồn gốc của cụ T mua của ông T1 khi đó cụ S còn sống nên đó là tài sản chung của cụ T và cụ S. Việc cụ T tự định đoạt tài sản chung mà không có ý kiến của cụ S là không đúng. Cán bộ địa chính xã hướng dẫn làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ ông T1 sang ông L bỏ qua thủ tục chuyển nhượng từ ông T1 sang cụ T là sai quy định của pháp luật về đất đai, mặt khác cũng thời điểm này cụ S chết nên phát sinh quyền thừa kế của cụ S. Từ những vấn đề trên, đề nghị Hội đồng xét xử hủy án sơ thẩm để làm rõ việc làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông L và bà H, làm rõ việc cụ S không có ý kiến định đoạt tài sản và việc xây nhà của ông L, bà H có được sự đồng ý của các đồng thừa kế của cụ S, cụ T không.

** Ý kiến của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:* Đất tranh chấp không phải là di sản của cụ S và cụ T mà là tài sản hợp pháp của ông L, bà H. Việc làm nhà của ông L, bà H được cụ T, cụ S và các đồng thừa kế biết nhưng không ai phản đối. Việc làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất bỏ qua gia đoạn từ ông T1 cho cụ T mà chuyển trực tiếp từ ông T1 cho ông L, bà H là chuyện xảy ra thường xuyên nhằm giảm thời gian và thuế trước bạ. Lời khai của ông An địa chính xã là rất rõ ràng và hợp pháp. Việc xây nhà của ông L và bà H trong thời gian dài nhưng không ai phản đối đều này chứng T tất cả các thành viên trong gia đình cụ T đều thống nhất. Tại Công văn số 1340/UBND-NC ngày 30/5/2017 của Ủy ban nhân dân huyện C cũng đã khẳng định việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông L, bà H thuộc thửa đất số 142 và thửa số 143 là đúng quy định pháp luật. Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên án sơ thẩm.

** Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:*

- Thẩm phán thụ lý vụ án và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tuân thủ trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án đại diện Viện kiểm sát cho rằng: Kháng cáo của các đương sự còn trong hạn luật định. Vụ án được thụ lý trước ngày Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 31/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội có hiệu lực pháp luật, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng Nghị quyết này để tính án phí là không đúng quy định của pháp luật. Bản án sơ thẩm tuyên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập là không đúng vì đất tranh chấp là tài sản chung của cụ S, cụ T. Sau khi cụ S chết, cụ T tự định đoạt phần di sản của cụ S là xâm phạm đến quyền lợi các đồng thừa kế của cụ S. Án sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng vì không tiến hành thủ tục xem xét, thẩm định tại chỗ nên hồ sơ không thể hiện tài sản trên đất gồm những gì, do ai tạo lập nên không thể thi hành được. Từ đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự hủy bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Nguyễn Thị Đ khởi kiện yêu cầu bà bà Nguyễn Thị Thiên H và ông Nguyễn Phước L chia di sản thừa kế thừa đất 143 diện tích 327,7m² và thửa đất 142 diện tích 166,8m² cùng tờ bản đồ số 24, tọa lạc tại ấp H, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết, xác định tư cách đương sự trong vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Đất tranh chấp thuộc hai thửa 142 và thửa 143 theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là của cụ S, cụ T khi còn sống đã nhận chuyển nhượng của ông T1. Bị đơn ông L và bà H cho rằng đất đã được cụ T phân chia một phần, một phần nhận chuyển nhượng của cụ T, nhưng ông L và bà H không chứng minh được có việc mua đất của cụ T. Án sơ thẩm xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập là chưa có căn cứ vững chắc.

[3] Trong vụ án này việc xem xét, thẩm định tại chỗ tài sản tranh chấp có ý nghĩa rất quan trọng đối với việc giải quyết vụ án, nhưng án sơ thẩm không tuân thủ theo quy định tại Điều 101 Bộ luật tố tụng dân sự là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, cấp phúc thẩm không thể khắc phục được.

[4] Ý kiến của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn và ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ. Hội đồng xét xử phúc thẩm thống nhất hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm để giải quyết lại vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

[5] Người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 55/2017/DS-ST ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử về tranh chấp chia thừa kế, giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ với bị đơn bà Nguyễn Thị Thiên H, ông Nguyễn

Phước L; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Châu Thành để xét xử sơ thẩm lại vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

- Án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng sẽ được xem xét lại khi vụ án được giải quyết theo thủ tục sơ thẩm.

- Án phí phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Đ, bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Tấn H, ông Nguyễn Văn C của không phải chịu.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Đ 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013600 ngày 15/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị M 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013597 ngày 15/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị L 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013599 ngày 15/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

Hoàn trả cho ông Nguyễn Tấn H 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013651 ngày 15/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

Hoàn trả cho ông Nguyễn Văn C 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013598 ngày 15/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- TAND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Lực

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Các thẩm phán

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

Lê Thành Trung Huỳnh Văn Hoàng Vân

Trần Văn Lực